

Ngôn ngữ bình dân của Sài Gòn và người miền Nam.

À nha = thường đi cuối câu mệnh lệnh dặn dò, ngăn cấm (không chơi nữa, à nha!).

Áo thun (ba lá), áo ba lỗ = áo may ô.

Ăn coi nôi, ngồi coi hướng = ăn trông nôi, ngồi trông hướng.

Âm binh = phá phách (mấy thằng âm binh = mấy đứa nhỏ phá phách).

Bà chần lữa = người dữ dằn (dữ như bà chần).

Ba ke, ba xạo = không đáng tin.

Bá láp bá xàm = chuyện vô bổ (chuyện ‘xe cán chó’)...

Bá chấy bù chét = tuyệt vời!

Bà tám = nhiều chuyện (thôi đi bà tám = đừng có nhiều chuyện nữa, đừng nói nữa).

Bà quai = bà ngoại.

Bang ra đường = chạy ra ngoài đường lộ mà không coi chừng xe cộ, hoặc chạy ra đường đột ngột, hoặc chạy nghênh ngang ra đường.

Bạt mạng = bất cần, không nghĩ tới hậu quả (ăn chơi bạt mạng).

Bạc co tay đôi = đánh nhau tay đôi.

Bặm trợn = trông dữ tợn, dữ dằn.

Bất thình lình = đột ngột.

Bẹo = chưng ra (gốc từ ‘cây bẹo’ gắn trên ghe để bán hàng ở chợ nổi ngày xưa).

Bẹo gan = chọc cho ai nổi điên.

Bề hội đồng = hiệp dân tập thể.

Bển = bên đó, bên ấy (tụi nó đang chờ con bên bên đó!).

Biết đâu nà, biết đâu nè = biết đâu đấy!

Biệt tung biệt tích = không thấy hiện diện, (mất tích).

Biểu (ai biểu hông chịu nghe tui mần chi! – lời trách nhẹ nhàng) = bảo.

Bình thủy = phích nước.

Bình-dân = bình thường.

Bo bo xì = nghỉ chơi, không quen nữa (động tác lấy tay đập đập vào miệng vừa nói của con nít).

Bỏ qua đi tám = cho qua mọi chuyện đừng quan tâm nữa (chỉ nói khi người nghe, nhỏ vai về hơn mình)

Bỏ thí = bỏ.

Bùng binh = vòng xoay.

Bội phần = gấp nhiều lần.

Buồn xo = rất buồn (làm gì mà coi cái mặt buồn xo dầy?)

Bữa = buổi/từ đó tới nay (ăn bữa cơm rồi về; bữa giờ đi đâu mà hông thấy qua chơi?)

Cà chớn cà cháo = không ra gì.

Cà chớn chổng xâm lãng - Cù lằn ra khói lửa.

Cà kê dê ngỗng = dài dòng.

Cà na xí muội = trái cây khô của người Tàu, thứ trái khô để ăn (vật).

Cà rá = chiếc nhẫn.

Cà nhổng = rảnh rỗi không việc gì để làm (đi cà nhổng tối ngày).

Cà nghinh cà ngang = nghênh ngang.

Cà rem = kem.

Cà rịt cà tang = chặm chạp.

Cà tàng = bình thường, quê mùa...

Cái thằng trời đánh thánh đâm = ám chỉ đứa con bất hiếu, kẻ cứng đầu...

Cằm nhàm (ràm) = nói tầm lum không đâu vào đâu; nói nhây...

Coi được hông?

Cù lần, cù lần lữa = từ gốc từ con cù lần chậm chạp, lè mè, chỉ người quá chậm khi ứng đối với chung quanh ... (thằng này cù lần quá!)

Cụng = chạm.

Cứng đầu cứng cổ.

Chà bá, tổ chẳng, chà bá lữa = to lớn, bự.

Chàng hăng chê hê = banh chân ra ngoài (Con gái con đứa gì mà ngoài chàng hăng chê hê hà, khép chun lại cái coi!)

Cha chả = gần như từ cảm thán “trời ơi!” (cha chả! hôm rày đi đâu biệt tích dzậy ông?)

Chả = không, (nói chả hiểu gì hết trơn hết trọi á!)

Chả = thằng chả / thằng cha kia.

Chậm lụt = chậm chạp, khờ.

Chém vè (dè) = trồn.

Chén = bát.

Chèn đét ơi, mèn đét ơi, chèn ơi, mèn ơi = ngạc nhiên!

Chết cha mày chưa! có chiện gì dậy? = một cách hỏi thăm xem ai đó có bị chuyện gì làm rắc rối không?

Chì = giỏi (anh ấy học “chì” lắm đó).

Chiên = rán.

Chịu = thích, ưa, đồng ý (hổng chịu đâu nha. Nè! chịu thằng đó không, tao gả luôn).

Chỏ = xía, xen vào chuyện người khác.

Chỗ làm, Sở làm = hăng, xướng, cơ quan công tác.

Chơi chôi = chơi trội, chơi qua mặt.

Chùm hum = ngồi bó gối hoặc ngồi lâu một chỗ không nhúc nhích, không quan tâm đến ai (có gì buồn hay sao mà ngồi chùng hum một chỗ dậ?)

Chun = chân.

Chung ra = trung bày.

Có chi hông? = có chuyện gì không?

Dạ, Ủa (ừa/ừ chỉ dùng khi nói với người ngang hàng) = Vâng, ạ.

Dạo này = thường/nhiều ngày trước đây đến nay. (Dạo này / thường hay đi trễ lắm nghen!)

Dám da dấm dẳng = dài dòng, không vào chủ đề chính.

Dây = không có dây dzô nó nghe chưa = không được dính dáng đến người đó.

Dễ tào = dễ sợ.

Dì ghê = mẹ kế.

Dĩa = đĩa.

Diễn hành, diễn Binh= diễu hành, diễu binh (chữ ‘diễu’ bây giờ dùng không chính xác, thật ra là “diễn” mới đúng).

Diều dờ = làm trò.

Dỏm (dởm), dỏm đời, dỏm thúí, đồ lô; (sau 1975, khi hàng hóa bị làm giả nhiều, người mua hàng nhầm hàng giả thì gọi là hàng dỏm, đồ “lô” từ chữ local = địa phương)

Đô diên (vô duyên) = không có duyên; (người đâu mà vô diên thúí, vậy đó hà – chữ “thúí” chỉ để tăng mức độ chứ không có nghĩa là hôi thúí).

Du ngoạn = tham quan.

Dú = ủ (trái cây) cho mau chín...

Dù = ô.

Dục (vứt) đi = vất bỏ đi (giọng miền nam đọc ‘vứt # dục’, giống như chữ “buôn” giọng miền nam đọc thành “buông”).

Dùng dăng = ương bướng.

Dữ hôn và ...dữ ...hôn...= rất (giỏi dữ hén cũng có nghĩa là khen tặng nhưng cũng có nghĩa là đang răn đe trách móc nhẹ nhàng tùy theo ngữ cảnh và cách diễn đạt của người nói; ví dụ: “Dữ hôn! lâu quá mới chịu ghé qua nhà tui nhen”, nhưng “mày muốn làm dữ phải hôn” thì lại có ý răn đe nặng hơn).

Dzìa, dề = về (thôi dzìa ngen - câu này cũng có thể là câu hỏi hoặc câu chào tùy ngữ điệu lên xuống người nói).

Dzìra dzìra (vừa) thôi nhen = đừng làm quá.

Đá cá lẩn dứa = lưu manh.

Đa đi hia = đi chỗ khác.

Đài phát thanh = đài tiếng nói.

Đàng = đường.

Đặng = được (Qua tính vậy em coi có đặng hông?)

Đen như chà dả (và) = đen thui, đen thùi lùì = rất là đen.

Đền = bồi thường.

Đêm nay ai đưa em dĩa = hôm nay về làm sao, khi nào mới về (một cách hỏi) – từ bài hát “đêm nay ai đưa em về”.

Đi bang bang = đi nghênh ngang.

Đi câu = đi đại tiện, đi nhà xí.

Đó = đấy; nó nói đó = nó nói đấy.

Đồ già dịch = chê người mất nét.

Đồ mắc dịch = xấu nét; tuy nhiên, đối với câu ‘mắc dịch’ có khi lại là câu nguýt – khi bị ai đó chòng (chọc) ghẹo.

Đòn = đàn.

Đùm xe = Mai-ơ.

Được hem (hôn/hơm)? = được không? chữ hông đọc trại thành hôn, hem hoặc hơm.

Ghẹo, chòng ghẹo = chọc quê.

Ghê = rất – hay, ghê há! tùy theo ngữ cảnh và âm điệu thì nó mang ý nghĩa là khen hoặc chê.

Gớm ghiết = nhìn thấy ghê, không thích.

Giục giặc, hục hặc = đang gây gổ, không thềm nói chuyện với nhau (hai đứa nó đang hục hặc!).

Hãng, Sở = công ty, xí nghiệp.

Hay như = hoặc là.

Hậu đậu = làm việc gì cũng không tới nơi tới chốn.

Hết ... chưa, hoặc chỉ nâng cao mức độ nhân mạnh (chưa làm gì hết).

Hết trơn hết trọi = chẳng, không – “hết trọi” thường đi kèm thêm cuối câu để diễn tả mức độ: - Ở nhà mà hông dọn dẹp, phụ tui gì hết trơn (hết trọi) á!.

Hồi nào hồi nào = xưa ời là xưa.

Hôm rày, mấy rày = từ mấy ngày nay.

Hông có chi! = không sao đâu.

Hông chịu đâu!

Hông thích à nhen!

Hột = hạt (hột đậu đen, đỏ); miền nam ghép cả hột (# trứng) vịt thay vì nói ‘trứng vịt’ như người bắc.

Hợp gu = cùng sở thích.

Ì xèo = tùm lum, ồn ào...

Năn ni ỉ ôi.

Kèo...bị = coi chừng.

Kể cho nghe nè! = nói cho nghe.

Kêu gì như kêu đò Thủ Thiêm = kêu lớn tiếng, kêu um trời...

Lanh chanh

Làm (mần) cái con khi khô = không thêm làm.

Làm (mần) dzậy coi được hông?

Làm dzậy coi có dễ ưa không? = một câu cảm thán tỏ ý không thích / thích tùy theo ngữ cảnh.

Làm gì mà toành hoành hết dzậy.

Làm nư = lì lợm.

Làm um lên: làm lớn chuyện.

Lặc lìa = muốn rớt ra, rời ra nhưng vẫn còn dính với nhau chút xíu.

Lần = tìm kiếm (biết đâu mà lần = biết tìm từ chỗ nào).

Lần mò = tìm kiếm, cũng có nghĩa là làm chậm chạp (thằng tám nó lần mò cái gì trong đó dzậy bậy?)

Lắm à nhen = nhiều, rất (thường nằm ở cuối câu; vd: thương lắm à nhen!).

Lẹt đẹt = ở phía sau, thua kém ai (đi lẹt đẹt! Lảm gì (làm cái gì) mà cứ lẹt đẹt hoài vậy).

Lao - tởn (cách dùng từ của Ông Nguyễn Văn Vĩnh).

Lao - cần (cách dùng từ của Ông Nguyễn Văn Vĩnh)

Lên hơi (lấy hơi lên) = bực tức; (nghe ông nói tui muốn lên hơi (lấy hơi lên) rồi đó nha!)

Liệu = tính toán.

Liệu hồn = coi chừng.

Lô = đồ giả, đồ dở, đồ xấu (gốc từ chữ 'local' do một thời đồ trong nước sản xuất bị chê vì xài không tốt)

Lộn = nhầm (nói lộn nói lại).

Lộn xộn = làm rối.

Lụi hụi = từ từ; (lụi hụi một hồi cũng tới rồi nè!)

Lùm xùm = rối rắm.

Lụt đục = không hòa thuận (gia đình nó lụt đục quài!).

Má = Mẹ.

Ma lạnh, Ma le.

Mã tà = canh sát.

Mari phong tên = con gái (thành phố) còn quê mùa.

Mari sến = sến cải lương.

Mát trời ông địa = thoải mái.

Máy lạnh = máy điều hòa nhiệt độ.

Mắc cười = buồn cười.

Mắc dịch = mất nét, không đàng hoàng, lảng lơ, xỏ lá, bởn cợt.

Mặt chù ụ một đồng, mặt chằm dằm = không vui, không được như ý...

Mần ăn = làm ăn.

Mần chi = làm gì.

Mậy = mày (thôi ghen mậy = đừng làm nữa)

Mét = mách.

Mình ên = một mình (đi có mình ên, làm mình ên).

Mò mẫm, rờ rẫm, sờ sẫm (hài) = mò

Mồ tỏ! = câu cảm thán!

Mả = mô

Muỗng = thìa, môi.

Mút mùa lệ thủy = mắt tiêu, không ngày về...

Nam Tàu Bắc Đẩu = chuyện xa vời...

Nào giờ = từ trước tới nay.

Niềng xe = vành xe.

Ngang tàng = bất cần đời.

Nghen, hén, hen, nhen.

Ngoại quốc = nước ngoài.

Ngon bà cô = thiệt là ngon.

Ngộ = đẹp, lạ (cái này coi ngộ hén).

Ngồi chồm hồm = ngồi co chân ... chỉ động tác co gập hai chân lại theo tư thế ngồi ... Nhưng không có ghé hay vật tựa cho hông và lưng ... (Chợ chồm hồm – chợ không có sạp).

Ngủ nghê

Nhan nhản = thấy cái gì nhiều đặng trước mặt.

Nhắc chi chuyện cũ thêm đau lòng lắm người ơi! = đừng nhắc chuyện đó nữa; biết rồi đừng kể nữa – trích lời trong bài hát ‘ngày đó xa rồi’.

Nhậu = cách gọi khi uống rượu, bia (kèm thức ăn).

Nhiều chiện = nhiều chuyện.

Nhìn khó ưa quá (nha) = đôi khi là chê nhưng trong nhiều tình huống lại là khen đẹp nếu thêm chữ 'nha' phía sau.

Nhóc (trẻ nhỏ), đầy nhóc: nhiều.

Nhột = buồn.

Nhứt = Nhặt.

Nón An toàn = mũ bảo hiểm.

Ông, Bà, Cô, Chả = Ông, Bà, Cô, Cha ấy = ông đó ông nói (ông ấy nói).

Phi cơ, máy bay = tàu bay.

Quá cỡ thợ mộc... = làm quá, vượt...

Qua đây nói nghe nè! = kêu ai đó lại gần mình.

Qua bên bên, vô trong trong, đi ra ngoài,

Quá xá = nhiều (đạo này kẹt chiện quá xá!)

Quá xá quà xa = quá nhiều.

Quê một cục.

Quê xệ.

Rành = thành thạo, thông thạo, biết (tui hông rành đường nha! này nhen, tui hông rành (biết) nhen)

Rạp = nhà hát (rap hát), dựng một cái mái che ngoài đường lộ hay trong sân nhà để cho khách ngồi cho mát (dựng rạp làm đám cưới).

Rân trời = um sùm.

Rốp rốp (miền Tây) = làm nhanh chóng.

Rốt ráo (miền Tây) = làm nhanh chóng và có hiệu quả

Ruột xe = xăm.

Sai bét bêng beng = sai nhiều, sai quá trời sai!

Sai đút đuôi con nòng nọc = như ‘sai bét bêng beng’.

Sạp = quây hàng.

Sén = cải lương. ‘Sén’ hồi xưa là người làm giúp việc trong nhà. Mary sén cũng có nghĩa là lèn xèn như chị hai đầy tớ trong nhà.

Sên xe = xích.

Sếp phơ = tài xế.

Sườn xe = khung xe.

Tà tà, tàn tàn, cà rịch cà tang = từ từ, không vội.

Tàn mạt = nghèo rớt mùng tơi.

Tàng tàng = bình dân.

Tào lao, tào lao mía lao, tào lao chi địa, tào lao chi thiên...

Tầm sàm (xàm), chuyện bá láp = vớ vẩn.

Tàu hủ = đậu phụ.

Tầm xàm bá láp = không có giá trị...

Tây quây, tùm lum tà la = bừa bãi.

Té (gốc từ miền Trung) = ngã, té ngã.

Tèn ten tén ten = chọc ai khi làm cái gì đó bị hư.

Tía, Ba = Cha.

Tiền lính tính liền, tiền làng tàn liền ...!

Tòn teng = đong đưa, đu đưa.

Tổ cha, thằng chết bằm.

Tới = đến (người miền Nam và SG ít khi dùng chữ đến mà dùng chữ ‘tới’ khi nói chuyện, ‘đến’ thường chỉ dùng trong văn viết)

Tới chỉ = cuối, đến đích.

Tới đâu hay tới đó = chuyện đến rồi mới tính.

Tui ưa dzụ (vụ) này rồi à nhen = tui thích việc này rồi (trong đó tui = tôi).

Tui, qua = tôi.

Tụm năm tụm ba = nhiều người họp lại bàn chuyện hay chơi trò gì đó.

Tức càn hông = tức dữ lắm.

Tháng mười mưa thúi đất = trời mưa liên tục.

Thắng = phanh.

Thằng cha mày, ông nội cha mày = một cách nói yêu với người dưới, tùy theo cách lên xuống và kéo dài âm, có thể ra nghĩa khác; cũng có thể là một câu thóa mạ.

Thấy ghét, nhìn ghét ghê! = có thể là một câu khen tặng, tùy ngữ cảnh và âm điệu của người nói.

Thấy gớm = thấy ghê, tởm (cách nói giọng miền Nam hơi kéo dài chữ ‘thấy’ và luyến ở chữ ‘thấy’; “thấy mà gớm” # thấy gớm).

Thèo lẻo = mách lẻo (Con nhỏ đó chuyên thèo lẻo chuyện của mày cho Cô nghe đó!)

Thềm, hàng ba.

Thí = cho không, miễn phí, bỏ (thôi thí cho nó đi!)

Thí dụ = ví dụ

Thiệt hôn? = thật không?

Thọc cù lét, chọc cù lét = làm cho ai đó bị nhột, gây cười, gây khó chịu.

Thôi đi má, thôi đi mẹ! = bảo ai đừng làm điều gì đó.

Thôi hén!

Thơm = dứa, khóm.

Thúi = hôi thối.

Thưa rĩnh thưa rãng = lưa thưa, lác đác.

Trà = Chè.

Trăm phần trăm = cạn chén, cạn ly... (có thể gốc từ bài hát ‘một trăm em ơi’ – uống bia, rượu: cạn ly là 100%)

Trên = trên ấy (lên trên Saigon mua đi, ở trên có bán đồ nhiều lắm!)

Trực thăng = máy bay lên thẳng.

Um xùm = ồn ào.

Ứa gan = chướng mắt, khó coi...

Về xe = chặn bùn xe.

Vỏ xe = lốp.

Vú = má, mẹ; vú sữa (trái cây).

Xả láng, sáng về sớm = chơi hết mình.

Xà lỏn, quần cụt = quần đùi.

Xài = dùng, sử dụng.

Xảnh xẹ, Xí xọn = xảnh xẹ = làm điệu, làm dáng...

Xe cam hông = xe tải.

Xe hơi = Ô tô con.

Xe nhà binh = xe quân đội.

Xe đò = xe chở khách, tương tự như xe buýt nhưng tuyến xe chạy xa hơn ngoài phạm vi nội đô (xe đò lục tỉnh...)

Xe Honda = xe gắn máy (có một thời gian người miền Nam quen gọi đi xe Honda tức là đi xe gắn máy – Ê! mầy tính đi xe honda hay đi xe đạp dzậy?)

Xẹp lép = lép xẹp, trống rỗng; (bụng xẹp lép – đói bụng chưa có ăn gì hết).

Xẹt qua = ghé ngang qua nơi nào một chút, tạt qua... (tao xẹt qua nhà thằng Tám cái đã nghen – có thể gốc từ ‘tia chớp xẹt’ nhanh).

Xẹt ra – xẹt vô = đi ra đi vào rất nhanh.

Xí = hồng dấm dàu / ngứa dãi (cảm thán khi bị chọc ghẹo).

Xí xa xí xầm, xì xà xì xầm, xì xầm= nói to nhỏ.

Xía = chen vô, (xí! Cứ xía dô chiện tui hoài nghen!)

Xiên lá cành, xiên qua cành lá = câu châm chọc mang ý nghĩa ai đó đang xỏ xiên mình? (gốc từ bài hát ‘tình anh lính chiến’:...xuyên lá cành trăng lên lều vải...)

Xiết = nôi (chịu hết xiết = chịu hồng nôi = không chịu được).

Xỏ lá ba que = giống như chém dè (vè), tuy nhiên có ý khác là cảnh báo đừng có xen vào chuyện của ai đó; như câu: “đừng có xỏ lá ba que nhe mậy!”

Xỏ xiên = đâm thọt, đâm bị thóc chọc bị gạo; (ăn nói xỏ xiên).

Xưa rồi diễm = chuyện ai cũng biết rồi, (gốc từ tựa bài hát ‘diễm xưa’).

Kỳ Thanh sưu tập từ nguồn Internet, tháng 4 – 2023.